TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 29 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà T, sinh năm 1986

Địa chỉ: K272/9 T, phường H, quận C, thành phố Đ.

- Ông Đ, sinh năm 1986

Địa chỉ: Hẻm 39, đường N, phường N, thành phố Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà T tự nguyện kết hôn vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông Đ và bà T sống tại địa chỉ K272/9 T, phường H, quận C, thành phố Đ. Trong quá trình chung sống đến năm 2018 ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cải vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng mặc dù sống chung một nhà nhưng phần ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc ai, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, ông Đ và bà T đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông Đ và bà T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Đ và bà T có 01 con chung tên là G - sinh ngày 16/01/2010. Ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận bà T nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung; ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Đ và

bà T tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông Đ và bà T, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về nợ chung: Ông Đ và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Đ và bà T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của ông Đ và bà T: bà T nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là G - sinh ngày 16/01/2010; ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 02/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đ không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì hàng tháng ông Đ còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Đ và bà T, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Đ và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Đ và bà T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 05569 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy, ông Đ và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Viện KSND quận Cẩm Lệ;*
- *UBND xã Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Phùng Văn Nhớ